

Bản án số: 88/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 20/01/2020
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhơn

2. Bà Bùi Thị Cẩm Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Trang là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1185/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 532/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/11/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 317/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25/12/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà T; cư trú tại: 65 Đường T, Phường A, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông H; cư trú tại: 65 Đường T, Phường A, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản tại Tòa án, nguyên đơn là bà T trình bày: Bà và ông H có tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh T, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 13/01/2005. Vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 15 năm, đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H có người phụ nữ khác và có con riêng. Vợ chồng sống ly thân hơn 01 năm. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà và ông H có 02 con chung tên Võ H sinh ngày 20/9/1993 (đã trưởng thành) và Võ K sinh ngày 05/3/2002, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ K, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án nhân dân quận Bình Thạnh đã triệu tập hợp lệ bị đơn là ông H đến Tòa án để giải quyết vụ kiện nhưng bị đơn vắng mặt không lý do, không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, ngoại trừ việc vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đây là tranh chấp về việc “ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Về nội dung:

Hội đồng xét xử xét thấy: Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu ly hôn với ông H, căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 13/01/2005 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh T cấp, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông H là hợp pháp.

Nguyên đơn khai, trong quá trình chung sống, giữa nguyên đơn và bị đơn nảy sinh mâu thuẫn do bị đơn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, có con riêng nên tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân hơn 01 năm.

Căn cứ Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 “vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để tham gia hòa giải, qua đó cho thấy ông không quan tâm đến quan hệ hôn nhân, không có hành động tích cực để hàn gắn gia đình.

Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa các bên đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung tên Võ H sinh ngày 20/9/1993 (đã trưởng thành) và Võ K sinh ngày 05/3/2002. Theo kết quả cung cấp chứng cứ của Ủy ban nhân dân Phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh mặc dù trẻ K đang được cha và mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, nhưng căn cứ lời khai của trẻ K thì trẻ có nguyện vọng muốn ở với mẹ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc tiếp tục giao trẻ K cho nguyên đơn nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Bà T được ly hôn với ông H.
2. Về con chung: Bà T và ông H có 02 con chung tên Võ H sinh ngày 20/9/1993 (đã trưởng thành) và Võ K sinh ngày 05/3/2002. Giao trẻ Võ K cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của trẻ, khi có căn cứ, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà T chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2018/0021175 ngày 27/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

6. Về quyền kháng cáo: Bà T và ông H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Bình Thạnh ;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- UBND X. M, H, L
Tỉnh T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vương Thị Lan Phương